

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

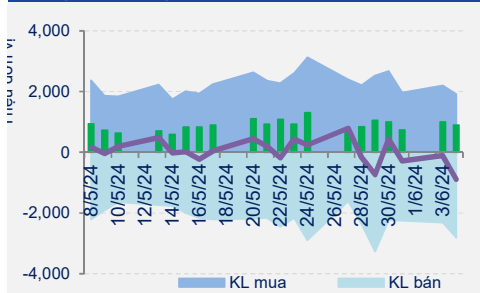
4/6/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

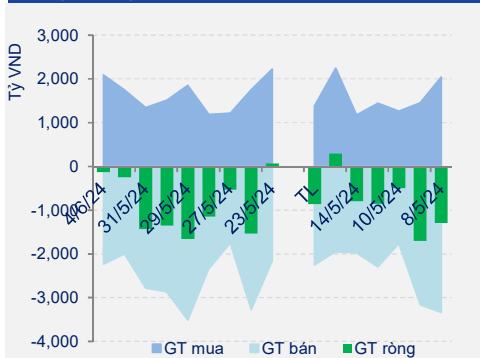
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,283.52	244.32
% Thay đổi	↑ 0.28%	↓ -0.16%
KLGD (CP)	893,642,428	86,479,907
GTGD (tỷ đồng)	23,693.47	1,689.71
Tổng cung (CP)	2,812,785,191	157,670,600
Tổng cầu (CP)	1,919,853,335	124,450,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	79,896,982	2,525,876
KL mua (CP)	70,060,608	1,437,460
GT mua (tỷ đồng)	2,097.10	39.90
GT bán (tỷ đồng)	2,231.89	49.36
GT ròng (tỷ đồng)	(134.79)	(9.46)

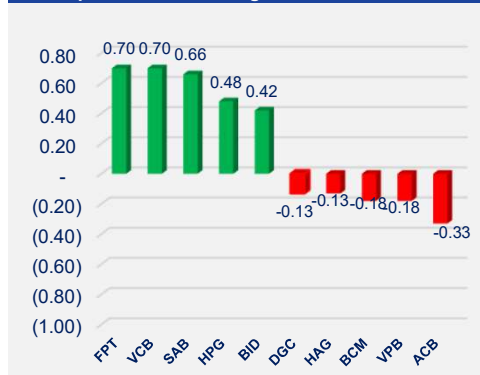
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tiếp nối đà tăng của phiên hôm qua, VN-Index mở cửa khá tích cực phiên hôm nay khi tiếp tục tăng điểm lên sát vùng 1.290 điểm và kết phiên sáng tại 1.287,65 điểm với thanh khoản giảm 5% nhưng vẫn duy trì tại mức 12.106 tỷ đồng, HNX-Index kết phiên sáng tại 245,41 điểm.

Áp lực chốt lời tại vùng kháng cự gia tăng sau 13h15 khiến cho VN-Index thu hẹp đà tăng điểm và mặc dù có sự phục hồi sau 14h00 nhưng đóng cửa VN-Index chỉ còn tăng 3.52 điểm (+0.27%), chốt phiên tại 1.283,52 điểm, HNX đóng cửa tại 244,32 điểm (-0,4 điểm, tương ứng -0,16%). Về độ rộng thị trường, toàn sàn HOSE đóng cửa với 150 mã tăng giá, 60 mã tham chiếu và 166 mã giảm giá. HNX đóng cửa với 85 mã tăng giá, 54 mã tham chiếu và 96 mã giảm giá.

Thanh khoản trên cả 2 sàn sụt giảm so với phiên giao dịch hôm qua khi giá trị giao dịch (không bao gồm thỏa thuận) đều giảm -13.2% tại HOSE và -9.2% tại HNX. Khối ngoại phiên hôm nay tiếp tục đà bán ròng với -134,8 tỷ đồng tại HOSE tập trung tại các mã MWG (-86,3 tỷ), VND (-78,2 tỷ), VHM (-66,5 tỷ) và KDH (-41,6 tỷ). Cùng với đó, lực bán ròng từ khối ngoại cũng diễn ra trên sàn HNX với 9 tỷ đồng, tập trung tại các mã PVS (-9 tỷ), TNG (-7 tỷ) và HUT (-5,2 tỷ).

Giá bán vàng SJC trong nước hôm nay tiếp tục giảm 1 triệu đồng/lượng, vàng nhẫn bật tăng trong bối cảnh giá vàng quốc tế đang trong xu hướng đi ngang do thiếu những dữ liệu mới về kinh tế đủ để nhà đầu tư đưa ra quyết định rõ ràng hơn, đặc biệt là triển vọng cắt giảm lãi suất của Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED).

Nhóm cổ phiếu ngân hàng vẫn tiếp tục đóng góp duy trì sắc xanh của VN-Index trong phiên hôm nay với VCB (0,69 đ), BID (0,42đ), TCB (0,39đ), CTG (0,26đ) nhưng đã có sự phân hóa khi một số mã giảm điểm như ACB (-1,2%), MBB (-0,4%), VPB (-0,5%). Nhóm cổ phiếu công nghệ có diễn biến nổi bật trong phiên hôm nay với đầu tàu FPT (+1,61%), đóng góp 0,7 điểm cho VN-Index với thông tin công bố ngày đăng ký trả cổ tức bằng tiền mặt và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ. Bên cạnh đó là FOX (+14,7%), CMG (+5,22%), FOC (+10,18%)...

Một số ngành khác cũng chứng kiến nhiều mã tăng điểm như ngành Thép với HPG (1%), HSG (3,6%), NKG (2,6%), ngành dầu khí cũng khá ấn tượng với BSR (0,9%), PVS (0,9%), PVC (1,9%). Cổ phiếu POW tiếp tục có một phiên giao dịch tích cực khi đóng góp 0,33 điểm cho chỉ số, tăng 4,1% và được hỗ trợ bởi kế hoạch tăng vốn ít nhất thêm 5.000 tỷ đồng, thông tin Bộ Công Thương vừa phê duyệt khung giá điện sử dụng LNG và dự báo tiêu thụ điện hệ này sẽ tăng đột biến tới 13%. Trái ngược với phiên giao dịch hôm qua, đa số cổ phiếu nhóm ngành bất động sản khu công nghiệp lại có sự giảm điểm, cụ thể là BCM (-1,1%), VGC (-1,4%), KBC (-1,2%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 tăng 3,5 điểm (+0,3%), đóng cửa tại 1.295 điểm, chênh lệch -5.99 điểm so với VN30. Hợp đồng vị thế Long giảm bớt với 12.070 hợp đồng, vị thế Short tăng lên với 13.497 hợp đồng. Tổng khối lượng giao dịch tăng 6% so với phiên trước. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2406 vẫn là đi ngang khi vận động tại vùng kháng cự 1.300 điểm. Các kỳ hạn xa hơn là VN30F2407, VN30F2409, VN30F12 chênh lệch từ -6.99 điểm đến -7.59 điểm so với VN30, điểm đặc biệt là hôm nay độ lệch của VN30F2407 đã được cân bằng trở lại. Khối lượng mở OI hôm nay là 56.589 hợp đồng, nhiều hơn so với phiên gần nhất là 54.256 cho thấy xu hướng gia tăng các vị thế nắm giữ các vị thế bán.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


VN-INDEX sau phiên tăng điểm tích cực dưới ảnh hưởng của nhóm ngân hàng, VN30 đề hướng đến vùng giá 1.282 điểm - 1.287 điểm tương ứng vùng giá cao nhất phiên giảm điểm mạnh ngày 15/04/2024 cũng như đỉnh giá tháng 09/2022. VN-INDEX đang chịu áp lực rung lắc, phân hóa mạnh trong vùng kháng cự quan trọng này. Đóng cửa VN-INDEX tăng nhẹ 3,52 điểm (0,27%) lên mức 1.283,52 điểm. Trong khi VN30 kiểm tra lại vùng giá cao nhất tháng 03/2024 quanh 1.307 điểm.

Trong ngắn hạn, VN-INDEX đang giao dịch quanh 1.285 điểm, vùng kháng cự mạnh mà chỉ số đã nhiều lần kiểm định trong tháng 5 nhưng chưa thể vượt qua áp lực bán tại đây. Vẫn có kỳ vọng VN-INDEX có thể vượt qua vùng kháng cự 1.282 điểm - 1.287 điểm để hướng tới vùng giá 1.300 điểm, VN30 có thể vượt lên đỉnh giá tháng 03/2024 quanh vùng 1.307 điểm. Nếu không thể vượt được vùng kháng cự, xu hướng ngắn hạn của chỉ số sẽ là tiếp tục dao động trong vùng 1.250 điểm – 1.300 điểm.

Xu hướng trung hạn của VN-INDEX vẫn trong kênh tích lũy rộng 1.180 -1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 -1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 -1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023.

Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân theo chúng tôi khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hoặc theo dõi các vị thế bán dần đối với các cổ phiếu đã đạt mục tiêu. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hoặc nếu có tỷ trọng thấp vẫn có thể tiếp tục chiến lược giải ngân dần trong các nhịp giảm điểm, mục tiêu là các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có có kết quả kinh doanh triển vọng tích cực trong cuối năm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

4/6/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
DCM	38.6	33-34	40-42	32	16.7	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
BSR	23.32	19-20	26-28	18	9.0	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MIG	21.15	18-18.6	21.5-22	17	12.6	-9.5%	12.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	35.60	32	38-39	34	11.3%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	38.60	32.2	40-41	36.5	19.9%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	18.20	14.2	18-18.5	17	28.2%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	43.50	36.8	46-47	41	18.2%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	31.90	28.75	35-36	31	11.0%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	139.10	114.2	145-150	133	21.8%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Giá xuất khẩu cá tra sẽ tăng 10%**

Theo thống kê của Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu cá tra trong 5 tháng đầu năm 2024 ước đạt 725 triệu USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2023.

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), thị trường nhập khẩu cá tra Việt Nam nhiều nhất hiện nay là Mỹ, sau đó là thị trường Trung Quốc, châu Âu và một số thị trường Nam Mỹ khác. Dù là thị trường lớn nhất, Mỹ vẫn tiếp tục tăng cường nhập khẩu cá tra chế biến, giá trị gia tăng gấp 8,5 lần so với cùng kỳ.

Lĩnh vực nông nghiệp giải ngân được gần 42% vốn đầu tư công

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết đến hết tháng 5/2024, ngành nông nghiệp giải ngân 4.154,5 tỷ đồng, đạt 41,8% kế hoạch năm, trong số đó, dự án vốn đầu tư trong nước giải ngân được 47%; dự án vốn vay ODA được gần 14%. Năm 2024, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao 9.935,3 tỷ đồng; trong đó, vốn trong nước 8.428,7 tỷ đồng, vốn ODA 1.506,6 tỷ đồng.

Sáng 4/6: Giá bán vàng SJC "bình ổn" giảm tiếp 1 triệu đồng/lượng, vàng nhẫn bật tăng

Cập nhật đến 10h00, các ngân hàng chính thức công bố giá vàng SJC bán ra trong hôm nay là 78,98 triệu đồng/lượng, giảm 1 triệu đồng/lượng so với hôm qua. Giá bán vàng miếng SJC của NHNN cho 4 ngân hàng và Công ty SJC là 77,98 triệu đồng/lượng.

Trên thị trường quốc tế, giá vàng hiện ở mức 2.345 USD/ounce, phục hồi khoảng 15 USD/ounce so với hôm qua. Quy đổi theo tỷ giá VND/USD hiện hành, giá vàng quốc tế tương đương với 72 triệu đồng/lượng, chưa bao gồm thuế, phí. Nhìn chung giá vàng quốc tế đang trong xu hướng đi ngang do thiếu những dữ liệu mới về kinh tế đủ để nhà đầu tư đưa ra quyết định rõ ràng hơn, đặc biệt là triển vọng cắt giảm lãi suất của Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED).

Phê duyệt Khung chính sách hỗ trợ, tái định cư Dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn

Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà ký Công văn số 361/TTg-CN ngày 3/6/2024 phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn.

Dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn có hệ thống đường ống dẫn khí trên biển, trên bờ dài khoảng 431 km.

Riêng dự án Đường ống khí Lô B – Ô Môn có tổng mức đầu tư khoảng 1,277 tỷ USD, trong đó Tổng Công ty Khí Việt Nam tham gia góp vốn lên đến 51%. Tổng Công ty Khí Việt Nam và các đối tác sẽ xây dựng hệ thống đường ống dẫn khí trên biển, trên bờ dài khoảng 431 km, cùng với các trạm tiếp bờ, trạm phân phối khí, trạm van, các công trình phụ trợ... để đưa khí từ Lô B về Trung tâm điện lực Ô Môn (thành phố Cần Thơ). Dự án Đường ống khí Lô B – Ô Môn sẽ vận hành trong 23 năm từ năm 2027 và kết thúc vào năm 2049.

TIN DOANH NGHIỆP

Chính phủ phê duyệt đầu tư khu công nghiệp gần 6.000 tỷ đồng của IDICO (IDC) tại Tiền Giang

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái vừa ký Quyết định số 471/QĐ-TTg về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Phước 1, tỉnh Tiền Giang.

Theo báo Chính Phủ, quyết định nêu rõ, dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Phước 1, tỉnh Tiền Giang có vốn đầu tư 5.936,5 tỷ đồng, quy mô 470 ha. Địa điểm thực hiện dự án tại xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Sự thật đằng sau việc cổ phiếu Berkshire Hathaway rơi gần 100% giá trị

Cụ thể, giá cổ phiếu loại A (class A) của Berkshire Hathaway đã rơi tới 99.97% giá trị, chỉ còn khoảng 185 USD/cp.

Tuy nhiên ngay sau đó, Sở giao dịch Chứng khoán New York (NYSE) sau đó cho biết đây chỉ là "lỗi kỹ thuật" khiến một số mã cổ phiếu lớn hiển thị giảm giá. Cùng với Berkshire Hathaway, giao dịch đối với những mã cổ phiếu như Barrick Gold, Chipotle, và Nuscale Power cũng tạm ngừng.

Trong sáng thứ 2, NYSE cho biết lỗi này đã được khắc phục. Các cổ phiếu bị ảnh hưởng đều được nối giao dịch trở lại, và toàn bộ hệ thống đã vận hành ổn định.

Tỉnh được Vinhomes đầu tư 3 đại đô thị tỷ USD đặt mục tiêu khởi công 8 dự án nhà ở xã hội trong năm 2024

Theo Đề án xây dựng nhà ở xã hội năm 2024, dự kiến sẽ có 8 dự án được khởi công trên địa bàn tỉnh Long An trong năm 2024, với quy mô 6,4ha, với gần 5.000 căn. Bên cạnh đó, cũng trong năm 2024, tỉnh phấn đấu sẽ có 1 dự án nhà ở xã hội hoàn thành với quy mô 460 căn.

Được biết, đến nay, tỉnh có 7 dự án nhà xã hội đã đưa vào sử dụng với gần 1.900 căn, đáp ứng nhu cầu khoảng 8.000 người. Ngoài ra, có 21 dự án đang triển khai với hơn 15.500 căn. Sau khi số dự án này hoàn thành, Long An sẽ đạt 77% mục tiêu xây nhà xã hội đến năm 2025.

Mục tiêu phát triển nhà ở xã hội của tỉnh đến năm 2030 là hơn 71.200 căn. Tỉnh dự kiến phát triển nhà ở xã hội tại 127 khu đất với tổng diện tích hơn 1.000 ha đến năm 2030.

Công ty của ông Đặng Thành Tâm hủy kế hoạch thành lập pháp nhân làm dự án tâm linh chỉ sau 8 ngày phê duyệt

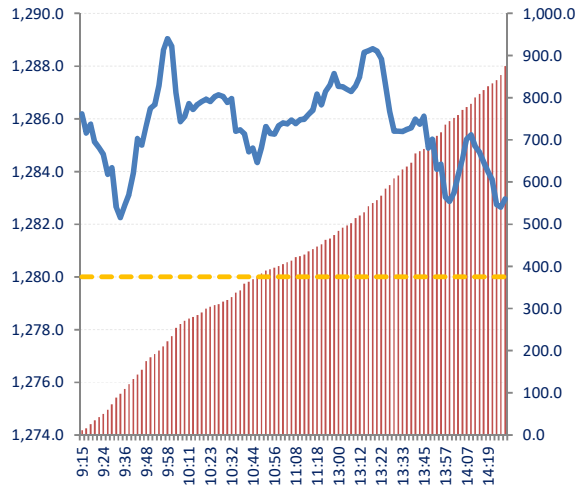
Ngày 3/6, HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (Saigontel - mã: SGT) đã ban hành quyết định thống nhất hủy phương án góp vốn để thành lập Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Bình Xanh. Lý do là vì các nhà đầu tư không thống nhất được nội dung hợp tác chi tiết để tiến hành thành lập công ty.

Vốn điều lệ 65 tỷ đồng, trong đó SGT góp 26 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 40%, SaigonTel - Thái Nguyên góp 6,5 tỷ đồng tương ứng 10% vốn và Green Holdings góp 32,5 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 50%.

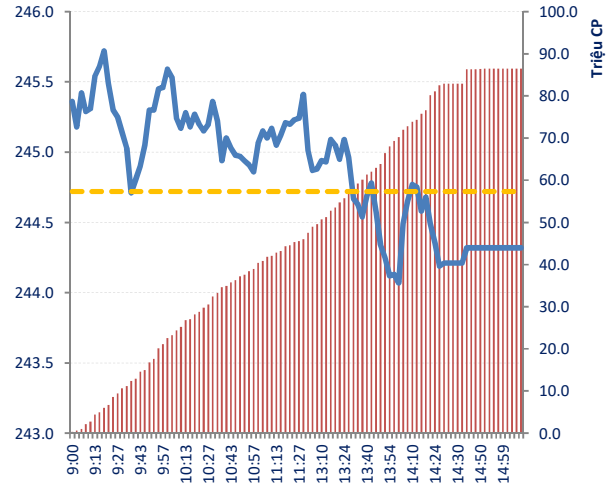


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

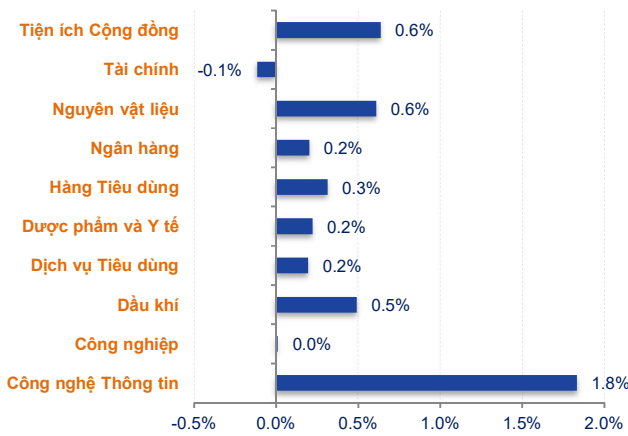
KLGD và VN-Index trong phiên



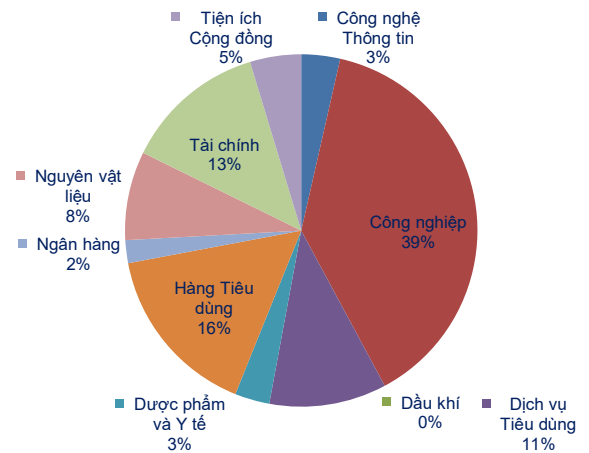
KLGD và HNX-Index trong phiên



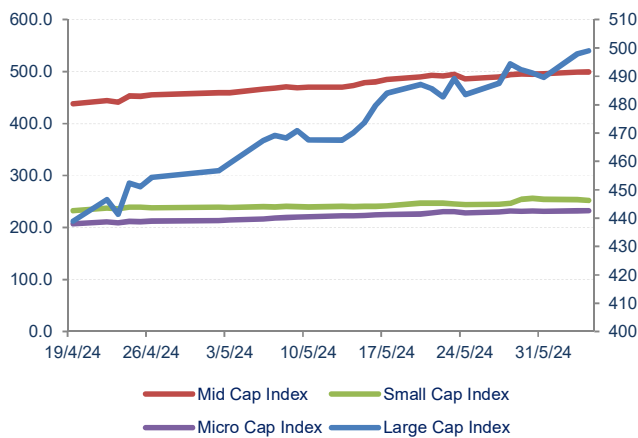
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



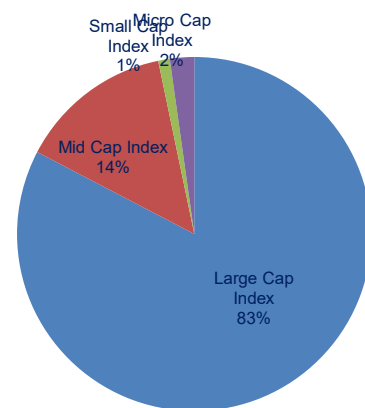
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	POW	3,122,900	VND	4,304,050	1	IDC	204,460	IVS	373,800
2	HSG	2,780,809	FUESSVFL	2,195,400	2	MBS	191,800	IDJ	324,700
3	EVF	2,002,000	FUEVFNVD	1,711,266	3	CEO	70,054	HUT	276,800
4	NKG	1,720,300	VPB	1,702,080	4	EVS	41,900	TNG	272,200
5	HPG	1,418,230	VHM	1,672,503	5	AAV	37,500	PVS	213,013

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	29.00	29.30	↑ 1.03%	44,847,351	SHS	18.70	18.60	↓ -0.53%	9,014,780
POW	13.45	14.00	↑ 4.09%	42,208,200	HUT	19.20	18.90	↓ -1.56%	6,149,592
EIB	19.80	19.50	↓ -1.52%	41,851,435	PVS	43.80	44.20	↑ 0.91%	5,908,732
LPB	25.80	25.80	⇒ 0.00%	39,523,096	IDJ	7.50	7.40	↓ -1.33%	4,960,622
HSG	22.35	23.15	↑ 3.58%	31,581,500	CEO	19.10	19.10	⇒ 0.00%	4,544,311

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SAV	15.90	17.00	1.10	↑ 6.92%	CMC	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
HVH	6.97	7.45	0.48	↑ 6.89%	TMB	68.30	75.10	6.80	↑ 9.96%
BMC	16.80	17.95	1.15	↑ 6.85%	VCM	17.30	19.00	1.70	↑ 9.83%
CKG	22.70	24.25	1.55	↑ 6.83%	ATS	12.30	13.50	1.20	↑ 9.76%
TMT	11.75	12.55	0.80	↑ 6.81%	IVS	12.50	13.70	1.20	↑ 9.60%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAS	10.65	9.92	-0.73	↓ -6.85%	API	9.30	8.40	-0.90	↓ -9.68%
FUCVREIT	6.26	5.85	-0.41	↓ -6.55%	MEL	7.30	6.60	-0.70	↓ -9.59%
SBA	34.75	32.50	-2.25	↓ -6.47%	SDG	17.80	16.10	-1.70	↓ -9.55%
FDC	14.60	13.70	-0.90	↓ -6.16%	NAP	10.20	9.30	-0.90	↓ -8.82%
TNC	51.00	48.05	-2.95	↓ -5.78%	VE1	3.60	3.30	-0.30	↓ -8.33%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	44,847,351	9.2%	1,455	19.9	1.8
POW	42,208,200	2.4%	350	38.5	0.9
EIB	41,851,435	9.0%	1,147	17.3	1.5
LPB	39,523,096	21.6%	2,914	8.9	1.8
HSG	31,581,500	8.1%	1,423	15.7	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	9,014,780	5.7%	688	27.2	1.4
HUT	6,149,592	0.7%	97	197.4	1.5
PVS	5,908,732	7.1%	1,992	22.0	1.5
IDJ	4,960,622	5.0%	584	12.8	0.6
CEO	4,544,311	2.8%	365	52.4	1.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SAV	↑ 6.9%	-2.5%	(409)	-	1.0
HVH	↑ 6.9%	3.9%	468	14.9	0.6
BMC	↑ 6.8%	11.8%	2,120	7.9	0.9
CKG	↑ 6.8%	11.8%	1,679	13.5	1.5
TMT	↑ 6.8%	-0.1%	(6)	-	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMC	↑ 10.0%	5.2%	717	12.6	0.7
TMB	↑ 10.0%	53.6%	23,298	2.9	1.4
VCM	↑ 9.8%	3.5%	800	21.6	0.7
ATS	↑ 9.8%	0.5%	57	214.2	1.0
IVS	↑ 9.6%	3.3%	360	34.7	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	3,122,900	2.4%	350	38.5	0.9
HSG	2,780,809	8.1%	1,423	15.7	1.2
EVF	2,002,000	5.8%	708	22.4	1.3
NKG	1,720,300	5.9%	1,222	20.3	1.2
HPG	1,418,230	9.2%	1,455	19.9	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	204,460	31.7%	5,880	10.6	3.2
MBS	191,800	13.0%	1,475	22.5	2.8
CEO	70,054	2.8%	365	52.4	1.6
EVS	41,900	4.5%	535	15.0	0.7
AAV	37,500	-2.1%	(241)	-	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	492,958	20.0%	5,838	15.1	2.8
BID	269,631	18.1%	3,841	12.3	2.1
HPG	185,492	9.2%	1,455	19.9	1.8
GAS	184,658	16.4%	4,688	17.1	2.7
CTG	175,062	16.2%	3,751	8.7	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,935	7.1%	1,992	22.0	1.5
IDC	20,625	31.7%	5,880	10.6	3.2
HUT	17,136	0.7%	97	197.4	1.5
SHS	15,206	5.7%	688	27.2	1.4
MBS	14,530	13.0%	1,475	22.5	2.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSH	2.45	-9.6%	(1,295)	-	0.6
TCD	2.44	1.7%	213	33.3	0.6
THI	2.42	3.2%	908	-	-
EVF	2.37	5.8%	708	22.4	1.3
CIG	2.34	2.7%	138	37.3	1.1

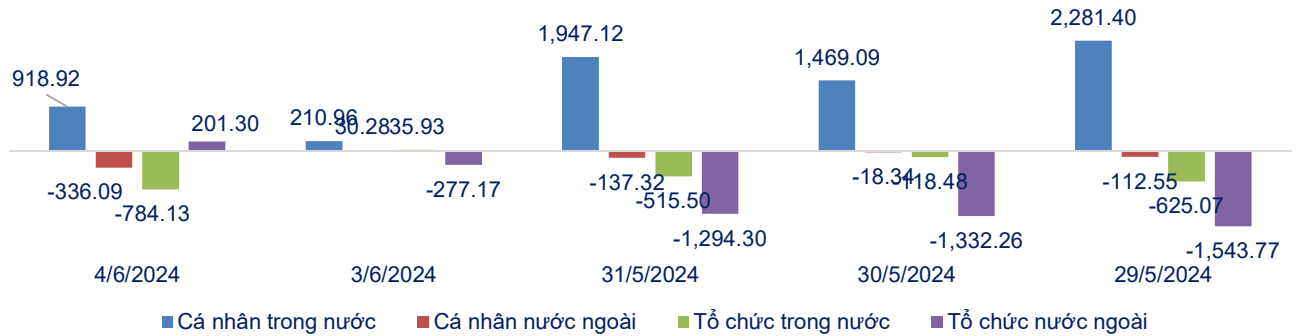
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
IDJ	2.87	5.0%	584	12.8	0.6
PHN	2.75	39.6%	8,294	8.4	3.0
API	2.72	-6.9%	(772)	-	0.9
VC2	2.62	2.0%	273	34.1	0.7
DDG	2.61	-29.5%	(3,011)	-	0.4



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NGĐT

Giá trị ròng theo loại hình NGĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	268.90	9.2%	1,455	19.9	1.8
MWG	231.19	4.4%	717	89.3	3.6
TCB	93.41	15.2%	5,606	8.4	1.2
VNM	77.28	26.0%	4,410	15.0	3.9
VND	76.28	15.6%	2,057	8.8	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTR	-84.89	28.4%	4,582	29.2	8.1
HSG	-80.20	8.1%	1,423	15.7	1.2
CTG	-79.50	16.2%	3,751	8.7	1.3
NKG	-53.52	5.9%	1,222	20.3	1.2
POW	-44.83	2.4%	350	38.5	0.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	5.63	8.2%	1,411	34.4	2.6
BWE	4.60	14.6%	3,228	13.3	1.9
MBB	3.77	21.5%	3,862	5.9	1.2
VPB	1.62	8.9%	1,525	12.0	1.0
PC1	1.33	2.8%	651	45.1	1.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-329.16	14.9%	2,310	6.4	0.9
MSN	-4.07	0.8%	214	362.5	2.5
FUEVFNVD	-3.33	N/A	N/A	N/A	N/A
FPT	-2.63	22.8%	5,338	25.6	5.5
HPG	-2.48	9.2%	1,455	19.9	1.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTR	85.21	28.4%	4,582	29.2	8.1
FUEVFNVD	57.35	N/A	N/A	N/A	N/A
CTG	51.67	16.2%	3,751	8.7	1.3
FUESSVFL	47.82	N/A	N/A	N/A	N/A
CTD	20.00	3.2%	2,728	26.8	0.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-310.68	9.2%	1,455	19.9	1.8
MWG	-144.98	4.4%	717	89.3	3.6
FPT	-96.53	22.8%	5,338	25.6	5.5
VNM	-82.91	26.0%	4,410	15.0	3.9
TCB	-79.92	15.2%	5,606	8.4	1.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

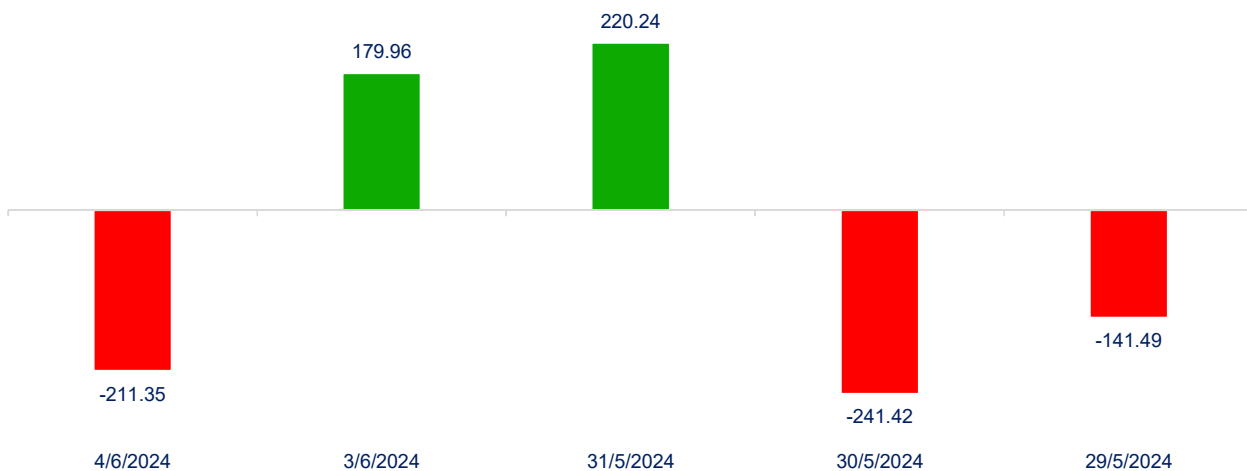
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	328.53	14.9%	2,310	6.4	0.9
FPT	101.17	22.8%	5,338	25.6	5.5
HSG	64.53	8.1%	1,423	15.7	1.2
NKG	44.64	5.9%	1,222	20.3	1.2
HPG	44.26	9.2%	1,455	19.9	1.8

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

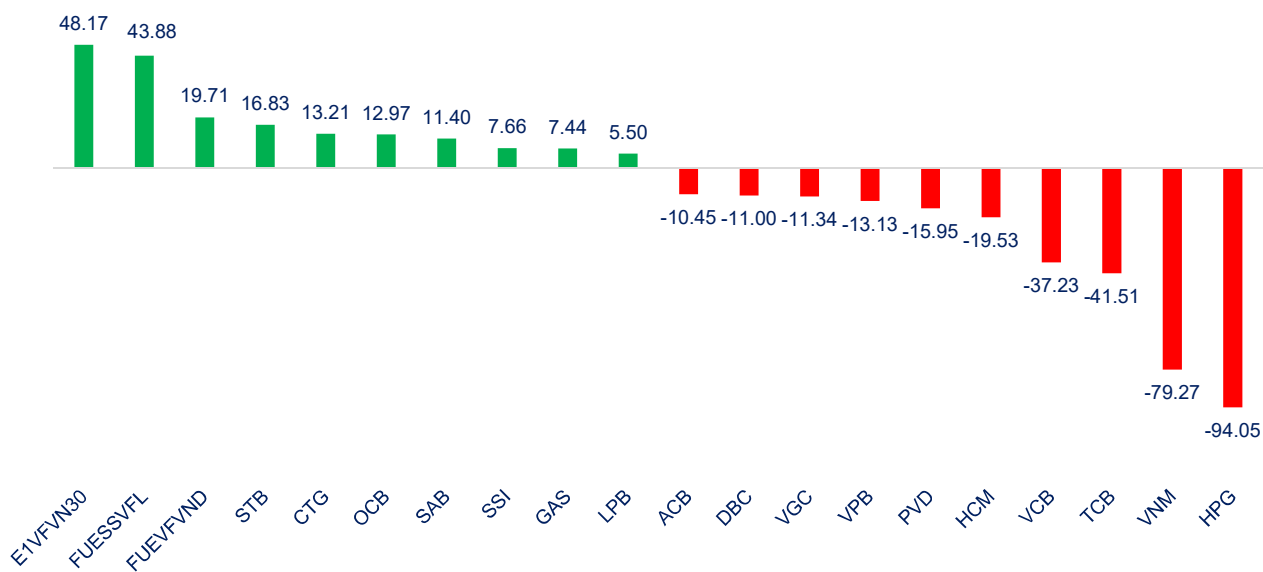
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-87.04	4.4%	717	89.3	3.6
VND	-77.93	15.6%	2,057	8.8	1.3
VHM	-65.70	12.1%	5,074	7.7	0.9
FUEVFNVD	-51.93	N/A	N/A	N/A	N/A
FUESSVFL	-45.80	N/A	N/A	N/A	N/A



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn